

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/02/2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội Liên hiệp phụ

nữ thành phố Biên Hoà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2026/2020/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lạc Thị Cẩm Nh**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: A2/147, tổ 2, khu phố 2, phường TV, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Ông **Văn Hoàng T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: A2/147, tổ 2, khu phố 2, phường TV, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(*Bà Nh có đơn xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lạc Thị Cẩm Nh trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, con cái, thường xuyên tụ tập

chơi bời. Từ 7/2020 bà và ông T sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nh xác định có 02 con chung cháu Văn Lạc Gia B, sinh ngày 29/3/2011 và cháu Văn Lạc Gia Kh, sinh ngày 08/10/2015. Ly hôn bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh khai bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Văn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

### **Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:**

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn bà Lạc Thị Cẩm Nh, cho bà Lạc Thị Cẩm Nh được ly hôn với ông Văn Hoàng T; Về con chung: Giao cháu Văn Lạc Gia B, sinh ngày 29/3/2011 và cháu Văn Lạc Gia Kh, sinh ngày 08/10/2015 cho bà Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Nh khai, bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông T không lên Tòa làm việc nên không có ý kiến về các vấn đề này. Do vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Lạc Thị Cẩm Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

##### **- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:**

Bà Lạc Thị Cẩm Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Văn Hoàng T. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Lạc Thị Cẩm Nh là nguyên đơn còn ông Văn Hoàng T là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Văn Hoàng T có hộ khẩu thường trú tại phường TV, thành phố BH, tỉnh ĐN và hiện nay đang sinh sống tại phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Lạc Thị Cẩm Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Văn Hoàng T nhưng ông không đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như không đến Tòa án tham gia xét xử; bà Nh có đơn vắng mặt, căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà Nh và ông T.

## **[2] Về nội dung tranh chấp:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lạc Thị Cẩm Nh và ông Văn Hoàng T tự nguyện kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Được Ủy ban nhân dân phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121/2010 ngày 14/10/2010. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Từ 7/2020 bà và ông T sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nh là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo Biên bản xác minh tại Công an phường Tân Vạn, thành phố Biên Hoà ngày 28/11/2020 cung cấp: Quá trình chung sống tại địa phương ông T nhiều lần đánh đập bà Nh, bà Nh có trình báo công an phường, công an phường có xuống gia đình để hoà giải hàn gắn. Ông T nhấn tin đe dọa bà Nh, bà Nh có làm đơn tố cáo ông T tại Công an phường, công an phường có lập biên bản ghi nhận sự việc. Hiện nay ông T và bà Nh đã sống ly thân với nhau, bà Nh dọn ra ngoài ở riêng, còn ông T vẫn sinh sống tại địa phương”. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa bà Nh và ông T là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng bà Nh vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông T nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Lạc Thị Cẩm Nh được ly hôn với ông Văn Hoàng T.

- **Về con chung:** Giao cháu Văn Lạc Gia B, sinh ngày 29/3/2011 và cháu Văn Lạc Gia Kh, sinh ngày 08/10/2015 cho bà Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Theo bà Nh khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông T không lên Tòa án làm việc nên không có ý kiến về các vấn đề này. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết, nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

**[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:**

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bà Nh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[4] Về án phí:** Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lạc Thị Cẩm Nh phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lạc Thị Cẩm Nh, bà Lạc Thị Cẩm Nh được ly hôn với ông Văn Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Văn Lạc Gia B, sinh ngày 29/3/2011 và cháu Văn Lạc Gia Kh, sinh ngày 08/10/2015 cho bà Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lạc Thị Cẩm Nh phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

0006863 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Lạc Thị Cẩm Nh đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Bà Lạc Thị Cẩm Nh, ông Văn Hoàng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Quỳnh**